

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 29/2019/DS-ST

Ngày: 27/9/2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

Ông Hồ Văn Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Thiệu Sỹ Vững - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2019/TLST-DS ngày 21/01/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXX-ST ngày 15/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Vợ chồng ông Phạm Đình T, bà Trần Thị Diệu H.

Địa chỉ: Số A Hùng V, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (Ông Phạm Đình T ủy quyền cho bà Trần Thị Diệu H tham gia tố tụng), có mặt.

Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Văn H1, bà Đặng Thị Thùy Tr (Ông H1 vắng mặt, bà Tr có mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã Bình T, thị xã B, Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/01/2019, nguyên đơn bà Trần Thị Diệu H và là đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn ông Phạm Đình T trình bày:

Do quan hệ quen biết nên ngày 27/8/2014 vợ chồng ông T, bà H cho vợ chồng ông H1, bà Tr vay số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), ngày 30/8/2015 vợ chồng ông T, bà H cho vợ chồng ông H1, bà Tr vay số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), ngày 04/9/2015 vợ chồng ông T, bà H cho vợ chồng ông H1, bà Tr vay tiếp 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Tổng cộng vợ chồng ông T, bà H cho vợ chồng ông H1, bà Tr vay số tiền 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng), khi vay không thế chấp tài sản gì, chỉ có viết giấy vay tiền, lãi suất tự thỏa thuận, thời hạn trả nợ vợ chồng ông H1, bà Tr nói vay một thời gian

ngăn bán đất rồi trả tiền cho vợ chồng ông T, bà H. Đến nay vợ chồng ông T, bà H đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông H1, bà Tr không trả, nay vợ chồng ông T, bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H1, bà Tr trả số nợ gốc 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng), về lãi suất sau khi vay ông H1, bà Tr có trả được 02 tháng tiền lãi, mỗi tháng là 5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng), thời gian không nhớ rõ nên nay bà H không yêu cầu tính lãi suất.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H1, bà Đặng Thị Thuỳ Tr mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Toà án không tiến hành lấy lời khai và tiến hành kiểm tra giao nộp chứng cứ và hoà giải với ông H1, bà Tr được.

Tại phiên toà bà Đặng Thị Thuỳ Tr trình bày: Bà Tr thừa nhận vợ chồng bà có vay của ông T, bà H 03 lần tổng số tiền là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng). khi vay có thoả thuận lãi suất cứ 2000đ/1 triệu/1 ngày, sau khi vay vợ chồng tôi đã trả lãi hơn 02 năm, mỗi tháng trả là 7.200.000đ (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng). Tuy nhiên không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Nay bà H yêu cầu vợ chồng tôi trả 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng) nợ gốc, lãi suất không yêu cầu thì tôi đồng ý nhưng xin trả dần từng tháng.

Ngày 03/7/2019 bà Trần Thị Diệu H yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông H1, bà Tr trong các giấy vay tiền ngày 27/8/2014, 30/8/2015, 04/9/2015 so với chữ ký chữ viết của ông H1, bà Tr trong đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 19/6/2018 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2018/11182144/HĐBĐ, ngày 19/6/2018.

Tại bản kết luận giám định số 67/PC09, ngày 20/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự, công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn Văn H1, bà Đặng Thị Thuỳ Tr trong các tài liệu cần giám định so với các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật, bị đơn vi phạm khoản 15 Điều 70 BLTTDS và không chấp hành triệu tập của Tòa án. Về nội dung đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vợ chồng ông H1, bà Tr trả số tiền gốc 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng), vợ chồng ông T, bà H không yêu cầu tính lãi suất nên không đặt ra giải quyết.

Tại phiên toà nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải

quyết của Toà án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn HĐXX xét thấy: Vào ngày 27/8/2014 vợ chồng ông T, bà H cho vợ chồng ông H1, bà Tr vay số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), ngày 30/8/2015 vợ chồng ông T, bà H cho vợ chồng ông H1, bà Tr vay số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), ngày 04/9/2015 vợ chồng ông T, bà H cho vợ chồng ông H1, bà Tr vay tiếp 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Tổng cộng vợ chồng ông T, bà H cho vợ chồng ông H1, bà Tr vay số tiền 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng), khi vay không thế chấp tài sản gì, chỉ có viết giấy vay tiền, lãi suất tự thỏa thuận, có chữ ký xác nhận số nợ trên của vợ chồng ông H1, bà Tr. Vì vậy vợ chồng ông H1, bà Tr phải chịu trách nhiệm về khoản nợ theo giấy xác nhận công nợ đã ký với ông T, bà H.

Vợ chồng ông H1, bà Tr đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết và vi phạm thời hạn thanh toán nợ đã ký với ông T, bà H. Nay ông T, bà H yêu cầu vợ chồng ông H1, bà Tr phải trả cho bà nợ gốc 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng), lãi suất không yêu cầu. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với giấy vay tiền ghi các ngày 27/8/2014, 30/8/2015, 04/9/2015, phù hợp với kết luận giám định và phù hợp với một phần lời khai của bà Tr và phù hợp với các Điều 463; 466; 468 BLDS năm 2015 và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên cần chấp nhận.

[3] Xét lời khai của bị đơn bà Đặng Thị Thuỳ Tr HĐXX xét thấy: Bà Tr khai vợ chồng bà có vay của ông T, bà H 03 lần tổng số tiền là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng). Khi vay có thỏa thuận lãi suất cứ 2000đ/1 triệu/1 ngày, sau khi vay vợ chồng tôi đã trả lãi hơn 02 năm, mỗi tháng trả là 7.200.000đ. Tuy nhiên không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh và lời khai của bà không được nguyên đơn thừa nhận nên không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của bà Tr.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí DSST. Án phí DSST là 180.000.000đ x 5% = 9.000.000đ (chín triệu đồng).

Về chi phí giám định: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông H1, bà Tr phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 5.740.000đ (Năm triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng). Hoàn trả cho nguyên đơn ông T, bà H 5.740.000đ (Năm triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền chi phí giám định sau khi đã thu được của ông H1, bà Tr.

- Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 161; Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 463; 466; 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Phạm Đình T, bà Trần Thị Diệu H.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn H1, bà Đặng Thị Thùy Tr có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Phạm Đình T, bà Trần Thị Diệu H tổng số tiền 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng) nợ gốc, lãi suất ông T, bà H không yêu cầu.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

3. Về án phí: Vợ chồng ông Nguyễn Văn H1, bà Đặng Thị Thùy Tr phải chịu 9.000.000đ (Chín triệu đồng) án phí DSST.

Về chi phí giám định: Ông Nguyễn Văn H1, bà Đặng Thị Thùy Tr phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 5.740.000đ (Năm triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng). Hoàn trả cho nguyên đơn ông T, bà H 5.740.000đ (Năm triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) chi phí giám định sau khi đã thu được của ông H1, bà Tr.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông T, bà H 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0011338, ngày 18/01/2019, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS tỉnh, thị xã;
- THA dân sự thị xã;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Thị Hường

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS tỉnh, thị xã;
- THA dân sự thị xã;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Đinh Thị Hường

